

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 16/9/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;

2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2020/QĐST-DS ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh), sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số nhà 251, tổ 28, khóm 6, phường T, thành phố C, tỉnh An Giang.

Đồng bị đơn: Anh Vương Thanh G, sinh năm: 1962 và chị Nguyễn Thị Thanh U, sinh năm: 1971

Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 262, khóm 6, phường T, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Vương Thanh G và bà Nguyễn Thị Thanh U vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) trình bày:

Do quen biết nhau là người cùng xóm nên bà có cho vợ chồng G - U vay nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 11/10/2016: 681.500.000 (sáu trăm, tám mươi một triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Ngày 06/02/2017 vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, nhưng thực tế bà chỉ đưa 40.000.000 đồng cho bà U (khoản 10.000.000 đồng còn lại bà U hứa trả lãi cho bà).

Tổng cộng hai khoản vay: 731.500.000 (Bảy trăm ba mươi một triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Mức lãi suất tuy có thỏa thuận nhưng thực tế bà U chưa đóng lãi cho bà mà chỉ góp được 97.000.000 (chín mươi bảy triệu) đồng.

Bà X có yêu cầu ông bà Vương Thanh G - Nguyễn Thị Thanh U trả cho bà vốn gốc 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng và không tính lãi từ thời điểm ngưng trả nợ cho đến nay.

Ngày 12/6/2020 bà Phan Ngọc X có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu ông Vương Thanh G thanh toán vốn vay: 634.500.000 (sáu trăm, ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng và rút 10.000.000 (Mười triệu) đồng đối với bà Thanh U. Như vậy, bà X hiện chỉ yêu cầu bà Thanh U trả cho bà 624.500.000 (sáu trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng, không tính lãi.

Để chứng minh cho yêu cầu kiện, bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

Tập học trò có bìa kiếng (Bản chính): Trang thứ nhất: Biên nhận có tiêu đề: Nguyễn Thị Thanh U có thiếu đi Sáu Ánh 681.500.000 đồng góp 11/10/2016; Trang thứ hai: Có tiêu đề: U góp 2017 /2018; Trang thứ ba: Có tiêu đề: U góp mới 50.000.000 đồng ngày 06/2/2017 (3 - 3 - 2017DL);

Đơn xin xác nhận đề ngày 12/6/2020 (Bản chính).

Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn ông Vương Thanh G và bà Nguyễn Thị Thanh U không còn ở địa phương qua kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố C được biết bà Nguyễn Thị Thanh U có đăng ký hộ khẩu thường trú địa chỉ số 262, tổ 27, đường Cử Trị, khóm 06, phường T, thành phố C, tỉnh An Giang; ông Vương Thanh G không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng có sinh sống chung với vợ là Nguyễn Thị Thanh U; hiện nay Vương Thanh G và Nguyễn Thị Thanh U đã bỏ địa phương đi đâu và làm gì địa phương không nắm, không biết.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà (nơi đăng ký hộ khẩu thường trú), tại nhà; Ban khóm; tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C và tại Tòa án nhân dân thành phố C đối với bị đơn nhưng ông bà Vương Thanh G và

Nguyễn Thị Thanh U vẫn không đến Tòa án để giao nộp bằng tự khai và tham gia phiên hòa giải theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa, hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn và có yêu cầu khởi kiện đối với:

Bà Thanh U có trách nhiệm trả cho bà vốn vay 624.500.000 (sáu trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với:

Ông Vương Thanh G liên đới với bà Nguyễn Thị Thanh U trả cho bà: 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Bà Nguyễn Thị Thanh U trả cho bà 10.000.000 (Mười triệu) đồng (trong khoản vay khởi kiện: 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Hội đồng xét xử công bố kết quả kết luận giám định số 3430/C09B ngày 10/7/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh; Việc Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với Vương Thanh G – Nguyễn Thị Thanh U về thời gian mở phiên tòa; kết quả xác minh từ Ban khám 6, phường T; Công an phường T, thành phố C; Đơn xin xác nhận của bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) đề ngày 12/6/2020; Công văn số 177/PCC ngày 11/6/2020 của Phòng Công chứng số 2, tỉnh An Giang; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đơn xét xử vắng mặt của nguyên đơn.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

+ Đối với việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng, bị đơn không tham gia suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

+ *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Theo bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) trình bày, bà có cho bà Nguyễn Thị Thanh U vay tiền nhiều lần, bà U có viết Biên nhận nợ. Đồng thời, bà X cung cấp các tài liệu, chứng cứ là các Biên nhận, đã được Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an, giám định kết luận: Chữ viết “Nguyễn Thị Thanh U” trong nội dung “Biên nhận Nguyễn Thị Thanh U có thiếu đi sáu Ánh 681.500.000^d gộp 11/10 ÂL 2016” và Chữ viết “U” trong nội dung “U gộp 2017 dl” là chữ viết của bà Nguyễn Thị Thanh U, các chữ viết có cùng màu mực và không phát hiện dấu vết điền thêm; lời khai người làm chứng bà Nguyễn Ngọc Hương. Từ đó có căn cứ xác định, bà Nguyễn Thị Thanh U nhiều lần vay tiền của bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh), với tổng số tiền 731.500.0000 đồng; nhận thấy, giao dịch dân sự vay vốn được xác lập giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 10/4/2017, bà U đã trả cho bà X được 97.000.000 (chín mươi bảy triệu) đồng thì ngưng cho đến nay. Riêng, đối với số tiền lãi 10.000.000 đồng mà bà X đã nhận của bà U nay không yêu cầu, bà X đồng ý khấu trừ vào số tiền vốn; đồng thời bà cũng rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vương Thanh G.

Do, bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà X nên việc, bà X khởi kiện yêu cầu bà U trả số tiền nợ vay còn lại 624.500.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 688 BLDS năm 2015;

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh): buộc bà Nguyễn Thị Thanh U có nghĩa vụ trả cho bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) 624.500.000 đồng.

Căn cứ Điều 244 BLTTDS năm 2015, đề nghị HĐXX đình chỉ đối với phần đương sự rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vương Thanh G, và số tiền 10.000.000 đồng bà X đã rút trong khoản vay 634.500.000 đồng

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn còn nợ 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng, không tính lãi. Xét, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản và bị đơn cư trú tại phường T,

thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định trưng cầu giám định; Thông báo kết quả giám định; thông báo công khai tài liệu chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử - Quyết định hoãn phiên tòa và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như Tòa án thu thập tại Công an phường T, thành phố C; tại Ban khóm 06 và tại nhà của ông bà Vương Thanh G - Nguyễn Thị Thanh U; Tòa án thông báo thời gian mở phiên tòa trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với G - U) nhưng nay ông bà G - U vẫn vắng mặt; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 01 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Đối với tên của người cho vay:*

Tập học trò thể hiện:

Biên nhận: người vay tiền tên Nguyễn Thị Thanh U có thiếu đi sáu Ách 681.500.000 đồng; U góp 2017 DL; U góp mới. Theo hồ sơ vụ án thì người khởi kiện là bà Phan Ngọc X, bà X cho biết trong giấy tờ bà tên là Phan Ngọc X, nhưng tên thường gọi hàng ngày ở nhà là ai cũng gọi bà là Sáu Ách, bà cung cấp cho Tòa án đơn yêu cầu xác nhận đề ngày 12/6/2020 và được Ban khóm 6, phường T là nơi bà sinh sống và Công an phường T, thành phố C, tỉnh An Giang xác nhận bà Phan Ngọc X (Sáu Ách) là một người. Từ đó có cơ sở xác định bà Phan Ngọc X có tên gọi trong sinh hoạt hàng ngày là Sáu Ách.

[2.2] *Về vốn vay:*

Nguyên đơn cho rằng khi vay bà Nguyễn Thị Thanh U có viết cho bà số tiền vay (góp hàng ngày) thể hiện chữ viết của U là tập học trò mà bà đã cung cấp cho Tòa án:

Tập học trò có bìa kiếng (Bản chính): Trang thứ nhất: Biên nhận có tiêu đề: Nguyễn Thị Thanh U có thiếu đi Sáu Ách 681.500.000 đồng góp 11/10ÂL 2016; Trang thứ hai: Có tiêu đề: U góp 2017 ÂL; Trang thứ ba: Có tiêu đề: U góp mới 50.000.000 đồng ngày 06/2ÂL 2017 (3 - 3 - 2017DL), các biên nhận đều thể hiện liên tục ngày góp tiền (do nguyên đơn ghi theo dõi góp hàng ngày) và khi cộng ba khoản tiền góp thể hiện nguyên đơn đã nhận 97.000.000 (Chín mươi bảy triệu) đồng, nên đã khấu trừ vào vốn vay nên khởi kiện: 634.500.000 (sáu trăm, ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ viết và chữ ký tên của Nguyễn Thị Thanh U tại cơ quan Công chứng và yêu cầu thực hiện việc giám định, kết quả giám định, nên bà có yêu cầu như sau:

Rút một phần khởi kiện đối với:

*Ông Vương Thanh G (chồng của Nguyễn Thị Thanh Thủy liên đới cùng với bà Thanh Thủy trả cho bà: 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng mà chỉ yêu cầu bà Thanh U trả nợ cho bà;

* Bà Nguyễn Thị Thanh U trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng (khoản tiền chị U đóng lãi cho bà, nay bà đồng ý khấu trừ vào vốn gốc), trong khoản vay 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng và nay chỉ yêu cầu bà Thanh U trả cho bà vốn gốc 624.500.000 (sáu trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng, không tính lãi.

Căn cứ kết quả “Kết luận giám định” số 3430/C09B ngày 10/7/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chữ viết “ Nguyễn Thị Thanh U” trong nội dung “Biên nhận Nguyễn Thị Thanh U có thiếu đi sáu Ánh 681.500.000^d gộp 11/10 ÂL2016” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thanh U trên 02 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

2. Nội dung các chữ viết dung “Biên nhận Nguyễn Thị Thanh U có thiếu đi sáu Ánh 681.500.000^d gộp 11/10 ÂL2016” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 là có cùng màu mực.

3. Không phát hiện thấy dấu vết điền thêm tại nội dung các chữ viết “Biên nhận Nguyễn Thị Thanh U có thiếu đi sáu Ánh 681.500.000^d gộp 11/10 ÂL2016” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.

4. Chữ viết “U” trong nội dung “U gộp 2017dl” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thanh U trên 02 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

5. Nội dung các chữ viết “U gộp 2017dl” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 là có cùng màu mực.

6. Không phát hiện thấy dấu vết điền thêm tại nội dung các chữ viết “U gộp 2017dl” gộp 11/10/ÂL 2016” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2.

7. Chữ viết “U” trong nội dung “U gộp moi 50.000.000^d = 6/2 ÂL 2017 3-3-2017dl” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thanh U trên 02 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra.

8. Nội dung các chữ viết “U gộp moi 50.000.000^d = 6/2 ÂL 2017 3-3-2017dl” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 là có cùng màu mực.

9. Không phát hiện thấy dấu vết điền thêm tại nội dung các chữ viết “U gộp moi 50.000.000^d = 6/2 ÂL 2017 3-3-2017dl” gộp 11/10/ÂL 2016” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3.

Xét, nội dung biên nhận nợ là chữ viết của chị Nguyễn Thị Thanh U. Từ đó có cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Thanh U có vay tiền của bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh), từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia.

[2.3] Đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của ông G và bà Thanh U:

Bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) có đơn yêu cầu rút một phần khởi kiện đối với anh Vương Thanh G trong khoản vay 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm) đồng và khoản tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với bà Thanh U, nên chấp nhận.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ, thấy rằng:

Ngày 30/7/2020 trong lời khai nguyên đơn có yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Thanh U với số tiền: 10.000.000 (Mười triệu) đồng, và nay chỉ yêu cầu bà U trả cho bà vốn gốc 624.500.000 (sáu trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm) đồng, không tính lãi.

Căn cứ “Kết luận giám định” số 3430/C09B ngày 10/7/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Buộc Nguyễn Thị Thanh U có trách nhiệm trả cho nguyên đơn: 624.500.000 (sáu trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh) được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không đề cập đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh);

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh U có trách nhiệm trả cho bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh): 624.500.000 (sáu trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với:

Yêu cầu anh Vương Thanh G liên đới chị Nguyễn Thị Thanh U trả cho bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh): 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Bà Nguyễn Thị Thanh U trả 10.000.000 (Mười triệu) đồng trong khoản vay 634.500.000 (sáu trăm ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng;

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh U phải chịu 28.980.000 (Hai mươi tám triệu, chín trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Ngọc X (Sáu Ánh), ông Vương Thanh G và bà Nguyễn Thị Thanh U vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thị Kiều Nga